

DISCUSSION PAPER

Address.

279 Nguyen Tri Phuong
District 10, HCMC, Vietnam

Telephone.

84-28-3844-8222

Email.

kkt@ueh.edu.vn

Website.

se.ueh.edu.vn

TIỀN SỐ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG (CBDC) VÀI ĐIỀU CƠ BẢN

Châu Văn Thành

Tóm tắt

Thời gian gần đây, cùng với sự tiến bộ của công nghệ hỗ trợ, nhu cầu thanh toán số (digital payments) và sự trỗi dậy mạnh mẽ của các đồng tiền mã hóa khu vực tư nhân (private cryptocurrencies), ngân hàng trung ương của nhiều quốc gia bắt đầu nghiên cứu và lên kế hoạch phát hành đồng tiền kỹ thuật số (hay tiền số ngân hàng trung ương - central bank digital currencies, CBDCs) của chính mình. Trước khi tìm hiểu về CBDC vận hành như thế nào, chúng ta cần quay về với vấn đề cơ bản: (1) CBDC là gì? (2) CBDC khác với một đồng tiền số tư nhân như thế nào? (3) CBDC tham gia/thay thế vào sự vận hành của hệ thống tiền tệ truyền thống theo cơ chế ra sao? (4) Sự ra đời của CBDC mang lại lợi ích gì cho người dân và hệ thống tài chính? Bài viết này nhằm hỗ trợ trả lời các câu hỏi nêu trên.

TIỀN SỐ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG (CBDC) – VÀI ĐIỀU CƠ BẢN¹

Thời gian gần đây, cùng với sự tiến bộ của công nghệ hỗ trợ, nhu cầu thanh toán số (digital payments) và sự trỗi dậy mạnh mẽ của các đồng tiền mã hóa khu vực tư nhân (private cryptocurrencies), ngân hàng trung ương của nhiều quốc gia bắt đầu nghiên cứu và lên kế hoạch phát hành đồng tiền kỹ thuật số (hay tiền số ngân hàng trung ương - central bank digital currencies, CBDCs) của chính mình. Trước khi tìm hiểu về CBDC vận hành như thế nào, chúng ta cần quay về với vấn đề cơ bản: (1) CBDC là gì? (2) CBDC khác với một đồng tiền số tư nhân như thế nào? (3) CBDC tham gia/thay thế vào sự vận hành của hệ thống tiền tệ truyền thống theo cơ chế ra sao? (4) Sự ra đời của CBDC mang lại lợi ích gì cho người dân và hệ thống tài chính? Bài viết này nhằm hỗ trợ trả lời các câu hỏi nêu trên.

Tiền số ngân hàng trung ương (CBDC) là gì?

Trước tiên, chúng ta hãy xem qua định nghĩa về tiền số ngân hàng trung ương:

Tiền số ngân hàng trung ương (a central bank digital currency, CBDC) – đôi lúc còn gọi là tiền điện tử của ngân hàng trung ương - là dạng tiền như tiền giấy ngân hàng (tiền pháp định, fiat money) dưới dạng số (a digital banknote) (IMF 2016)².

Vài định nghĩa khác,

CBDC là “một dạng số” (digital form) của tiền của ngân hàng trung ương (central bank money), đồng tiền này khác với số dư dự trữ truyền thống (balances in traditional reserve) hay các tài khoản thanh toán (settlement accounts)” (CPMI-MC (2018))³.

¹ Tổng hợp bài viết: Châu Văn Thành, giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Email: thanhcv@ueh.edu.vn, *Phiên bản dùng cho thảo luận và tiếp tục hoàn chỉnh. Ngày 05/06/2021*. Khi đọc bài viết này các bạn sẽ thấy có một số bất lợi do các thuật ngữ được lặp lại nhiều lần, cả tiếng Việt và tiếng Anh. Đồng thời, sẽ thấy nhiều giải thích phụ đi kèm. Bù lại, các bạn sẽ dễ dàng theo dõi và so sánh các diễn biến về nội dung hơn.

² Xem thêm Virtual Currencies and Beyond: Initial Considerations (IMF 2016) với các dạng phân biệt digital currency và virtual currency.

³ Committee on Payments and Market Infrastructures and Markets Committee (2018)

CBDC là một công cụ thanh toán kỹ thuật số (a digital payment instrument), được gán mệnh giá theo đơn vị tính toán quốc gia (national unit of account), và là một nghĩa vụ nợ trực tiếp của ngân hàng trung ương (direct liability of the central bank) (BIS 2020)⁴.

Tiền số ngân hàng trung ương (CBDC) có hai hình thức: (1) CBDC giao dịch lẻ (a retail CBDC) – giữa các cá nhân thanh toán trong kinh doanh, mua sắm và giao dịch lẫn nhau; và (2) CBDC giao dịch sỉ (a wholesale CBDC) – giữa các định chế tài chính thực hiện giao dịch qua các thị trường tài chính.

Cho đến hiện nay, các cụm từ nói về CBDC đôi lúc cũng có sự khác biệt. Khi đề cập đến CBDC trong bài viết này chủ yếu là nói về “general purpose CBDCs” tức dạng *các đồng tiền số ngân hàng trung ương được sử dụng rộng rãi trong công chúng*, phục vụ cho các hoạt động thanh toán hàng ngày thay vì chỉ nói đến CBDCs hạn chế trong phạm vi các giao dịch sỉ và các hoạt động thanh toán trên thị trường tài chính (wholesale, financial market payments).

Vận hành tiền tệ trong hệ thống ngân hàng truyền thống

CBDC là tiền ngân hàng trung ương của một quốc gia theo luật định. Do vậy, bản thân đồng tiền này sẽ có những đặc tính chung của tiền hiện hành. Tuy nhiên, để đi sâu tìm hiểu về CBDC - ra đời và vận hành như thế nào, chúng ta cần nhớ lại một hệ thống tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong hệ thống hiện hành (truyền thống) hoạt động ra sao. Trước hết, hãy trở lại với những điều cơ bản về tiền và các cấu thành của tiền (money)⁵.

Khái niệm về tiền và chức năng của tiền

Căn cứ vào định nghĩa và khái niệm cơ bản của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)⁶, khi xem xét dữ liệu thống kê về tiền (monetary statistics) thì tiền mặt vật chất (physical cash hay cash) được xem đồng nghĩa với tiền in đúc của quốc gia dạng vật chất (currency hay physical currency).

⁴ Central bank digital currencies: foundational principles and core features (BIS 2020)

⁵ Ngày nay, khi tra cứu tự điển và truy cập các nguồn chính thức khác nhau, bạn sẽ tìm thấy rất nhiều các định nghĩa và khái niệm liên quan đến tiền và các cấu thành của tiền. Điều này dễ làm cho chúng ta bối rối và nhầm lẫn. Đôi lúc, các định nghĩa là tương đồng nhưng lại được sử dụng những tên gọi khác nhau. Nhưng thực tế, cũng chính những tên gọi và nguồn khác nhau này, sẽ xuất hiện một số khác biệt trong tính toán. Tuy nhiên, những khác biệt này là không quá đáng kể để có thể làm ảnh hưởng đến bức tranh chung của vấn đề tiền tệ.

⁶ Definitions and concepts from the Monetary and Financial Statistics Manual (IMF 2016b).

Tiền in đƣc của quốc gia (currency) hàm ý muốn nói về tiền giấy và tiền xu (notes & coins) – đây là những công cụ tài chính (financial instruments) có giá trị danh nghĩa cố định đƣợc ngân hàng trung ương hay chính phủ phát hành hay ủy quyền và đƣợc pháp luật công nhận (legal tender) để thực hiện các mục tiêu sử dụng chúng.

Nhằm thuận tiện cho việc theo dõi xuyên suốt bài viết này, chúng ta có thể viết thành:

$$\text{Tiền mặt vật chất (cash)} = \text{Tiền in đƣc của quốc gia (currency)} = \text{Tiền giấy \& tiền xu (notes \& coins)}$$

Tiền in đƣc của quốc gia trong lưu thông (currency in circulation) là lượng tiền bên ngoài ngân hàng trung ương do tất cả những thành phần là cư dân và không phải cư dân đang nắm giữ.

Tiền in đƣc của quốc gia (currency) là một cấu phần của tiền hay khối tiền (money) của nền kinh tế. Khi đề cập đến “tiền” (money), các nhà kinh tế muốn đề cập đến một khái niệm rộng hơn so với tiền in đƣc của quốc gia (currency). Tiền (money) bao hàm cả tiền in đƣc của quốc gia (currency, tức tiền giấy & tiền xu)⁷ cộng với các tài sản hay các công cụ (assets, instruments) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành các khoản tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits) và các khoản tiền gửi ngắn hạn (short-term deposits).⁸

Tức là:

$$\text{Tiền (money)}^9 = \text{Tiền in đƣc của quốc gia (currency)} + \text{Tiền gửi (deposits)}$$

$$\text{Tiền gửi (deposits)} = \text{Tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits)} + \text{Tiền gửi ngắn hạn (short-term deposits)}$$

⁷ Chính xác hơn là tiền in đƣc của quốc gia trong lưu thông (currency in circulation).

⁸ Theo định nghĩa của các tổ chức quốc tế, như là OECD <https://stats.oecd.org/glossary/detail.asp?ID=499> và IMF <http://www.imf.org/external/np/sta/bop/BOPman.pdf>, Tiền gửi (deposits) bao gồm tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits) và tiền gửi khác (other deposits). Tiền gửi có thể là tiền tệ trong nước hay tiền tệ nước ngoài. Tiền gửi khác có thể kể đến như là tiền gửi tiết kiệm không thể chuyển nhượng (non-transferable saving deposits); tiền gửi có kỳ hạn (time deposits)...

⁹ Theo giáo trình kinh tế, khối tiền hay cung tiền (money stock, money supply) bao gồm hai thành phần cơ bản: (1) tiền in đƣc của quốc gia trong lưu thông do công chúng nắm giữ (currency in circulation); và (2) tổng tiền gửi ở hệ thống ngân hàng (bank deposits).

Tiền (money) được ngân hàng trung ương phát hành¹⁰ và có thể thực hiện dưới hai hình thức: (1) gia tăng tiền gửi của một ngân hàng thương mại tại ngân hàng trung ương (commercial bank's deposits at central bank); và/hay (2) chuyển số tiền in đúc của quốc gia (currency = notes & coins) đến kho tiền/kết tiền của một ngân hàng thương mại.

Tiền của ngân hàng trung ương (central bank money)¹¹ = Tiền in đúc của quốc gia (currency) + Tiền gửi của ngân hàng thương mại tại ngân hàng trung ương (commercial bank's deposits at central bank)

Tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits)¹² được xem tương đương với tiền in đúc của quốc gia (currency = notes & coins) vì các khoản tiền này (transferable deposits) có thể chuyển đổi ra tiền in đúc của quốc gia (currency) theo nhu cầu với sự ngang bằng giá trị với nhau (nguyên tắc là không bị phạt hay bị giới hạn), và có thể được sử dụng trực tiếp thanh toán cho các bên thứ ba bằng séc, thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ hay các phương tiện thanh toán trực tiếp khác.

Cũng như bất kỳ định nghĩa về tiền (money) nào, cả tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits) là một phần của khái niệm tiền rộng (broad money). Cả hai dạng tiền này đều có 3 chức năng cơ bản của tiền: (1) trung gian trao đổi – phương tiện để đổi lấy các tài sản phi tài chính (nonfinancial assets - như hàng hóa, thiết bị...), các dịch vụ, và các tài sản tài chính mà không phải thông qua cơ chế hàng đổi hàng; (2) dự trữ giá trị - phương tiện nắm giữ của cải; (3) đơn vị tính toán – tiêu chuẩn cho việc niêm giá cả hàng hóa và dịch vụ, tính giá trị các công cụ tài chính và các tài sản phi tài chính, do vậy chức năng này cung cấp phương tiện để so sánh giá trị và giúp tính toán về tài chính. Ngoài ra, một chức năng thứ tư đôi khi được nhấn mạnh thêm cùng 3 chức năng bên trên; đó là (4) tiêu chuẩn cho việc thanh toán trễ hạn hay thanh toán bị trì hoãn – phương tiện giải quyết các nghĩa vụ nợ.

Vận hành trong hệ thống tiền tệ với vai trò ngân hàng trung ương

¹⁰ Nhớ lại kiến thức cơ bản về tiền, hoạt động ngân hàng và chức năng ngân hàng trung ương, chúng ta cần phân biệt giữa “in đúc tiền vật chất” (physical notes & coins) của chính phủ và nghiệp vụ phát hành tiền của ngân hàng trung ương là khác nhau.

¹¹ Tương đương cơ sở tiền (monetary base), hay tiền mạnh (high powered money)

¹² Theo nghĩa tương đương, có thể hiểu đây là tiền gửi không kỳ hạn hay tiền gửi thanh toán (demand deposits) trong các giáo trình kinh tế học.

Thực tế cho thấy, trong nhiều quốc gia hiện nay, việc giao dịch và thanh toán dùng tiền mặt vẫn tồn tại, thậm chí là khá lớn như ở Việt Nam chẳng hạn. Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu chi tiết về sự vận hành của các thành phần của tiền trong hệ thống.

Số lượng tiền giấy và tiền xu (currency = notes & coins) được đưa vào lưu thông so với tiền gửi (deposits) thường được xác định căn cứ theo sức cầu thực tế. Cầu tiền (giấy và xu) do khách hàng của các ngân hàng thương mại quyết định. Cụ thể là các khách hàng này sẽ quyết định số tiền mà họ muốn nắm giữ dưới hình thức tiền gửi (deposits) và/hay tiền mặt (cash). Ngân hàng trung ương đưa tiền in đúc của quốc gia (currency) vào lưu thông (thành tiền trong lưu thông – currency in circulation) khi cơ quan này chuyển số tiền này đến một ngân hàng thương mại.

Để hạch toán giao dịch bên trên vào bảng cân đối tài sản của mình, ngân hàng trung ương ghi giảm “tiền gửi có thể chuyển nhượng” (transferable deposits) của ngân hàng thương mại đó và ghi tăng “tiền trong lưu thông” (currency in circulation). Song song đó, trong bảng cân đối tài sản của ngân hàng thương mại sẽ ghi tăng “tiền in đúc của quốc gia” (domestic currency) và ghi giảm tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits) của mình ở ngân hàng trung ương.

Tuy nhiên, cho đến khi nào mà tiền in đúc của quốc gia (currency) này vẫn còn trong két hay kho tiền của ngân hàng thương mại, thì số tiền này (currency) vẫn chưa vận hành vai trò của tiền (money). Số tiền in đúc của quốc gia này (currency) chỉ khởi động việc vận hành với vai trò của tiền (money) và được bao hàm trong tiền rộng (broad money) khi các khách hàng của ngân hàng thương mại này chuyển đổi tiền gửi của họ (deposits) thành tiền in đúc của quốc gia (currency).

Tùy theo sức cầu tiền mặt (cash) của khách hàng của mình, ngân hàng thương mại này ghi giảm số tiền in đúc của quốc gia (currency) ở khoản mục tiền mặt trong két (vault cash) đổi lấy việc ghi giảm khoản tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits) của khách hàng tại ngân hàng mình. Theo bút toán hạch toán, tiền trong lưu thông này (currency in circulation) được gán cho tên gọi là “tiền nằm ngoài ngân hàng thương mại” (currency outside banks) và khoản tiền này được bao gồm trong các nghĩa vụ nợ của tiền rộng (broad money liabilities).

So sánh giữa tiền in đúc của quốc gia và tiền gửi có thể chuyển nhượng

Có thể nói rằng, tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) thì tương tự nhau và cả hai đều đáp ứng định nghĩa của tiền rộng (broad money), bởi vì cả hai có thể được sử dụng như một trung gian trao đổi - có thể trao đổi tức thì dựa vào sức cầu ngang giá với các tài sản tài chính và tài sản phi tài chính, và được pháp luật công nhận.

Theo quy ước pháp lý, tiền in đúc của quốc gia (currency) đương nhiên là được chấp nhận cho các giao dịch trong nước. Tương tự, tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) được chấp nhận cho các giao dịch bởi vì người nhận xem chúng là trung gian trao đổi. Cả tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) đều có giá trị danh nghĩa (mệnh giá) cố định. Tuy nhiên, giá trị thực (real values) của cả hai sẽ thay đổi cùng với sự chuyển động của mức giá chung của nền kinh tế.

Cả tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) có thể được sử dụng cho thanh toán trực tiếp cho bên thứ ba, và cả hai đều không có chi phí giao dịch hoặc có chi phí giao dịch rất thấp. Chính xác hơn, thanh toán bằng tiền in đúc của quốc gia (currency) thì không có phí hay các chi phí giao dịch khác, và sử dụng tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) thường thì chịu phí rất nhỏ. Cả hai - tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) là những tài sản tài chính có thể phân chia được và phù hợp với việc thực hiện các giao dịch nhỏ; hơn thế nữa, chúng không có kỳ hạn (maturity) và có thể tiếp cận tức thì bởi những người nắm giữ chúng.

Cuối cùng, tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) thì không có lãi hay được tính lãi rất thấp. Sự hữu dụng của hai dạng tiền này với vai trò như là trung gian trao đổi và tính thanh khoản cao đã bù đắp lại cho người nắm giữ chúng nên họ sẽ sẵn lòng bỏ qua tiền lãi mà lẽ ra họ có thể nhận được bằng cách nắm giữ các loại tài sản tài chính khác. Kinh tế học gọi đây là chi phí cơ hội của việc nắm giữ tiền. Do vậy, không có gì ngạc nhiên khi mà các ngân hàng trung ương luôn sẵn sàng chuyển đổi tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) ra tiền in đúc của quốc gia (currency) với số lượng không bị giới hạn.

Bên cạnh những điểm tương đồng, giữa tiền in đúc của quốc gia (currency) và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) cũng có những khác biệt đáng kể. Có thể tóm tắt như sau:

Thứ nhất, tiền in đúc của quốc gia (currency) có thể lỗi thời và lạc hậu về kỹ thuật. Tiền giấy ngân hàng (banknotes) bạc màu và rách, và những nỗ lực khắc phục vấn đề này bằng cách thay thế bằng tiền nhựa thực tế cho thấy không giúp cải thiện nhiều, đồng thời bảo quản chúng liên quan đến nhiều loại chi phí khác nữa. Trong khi đó, tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) không có các trục trặc này.

Thứ hai, việc thanh toán dùng tiền in đúc của quốc gia (currency) thì có tính ẩn danh (anonymous), nên điều này làm cho chúng trở thành phương tiện dễ bị lạm dụng, trốn thuế, tài trợ khủng bố và rửa tiền. Tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) thì xác định rõ cá nhân và nhìn chung không thể được sử dụng cho các mục đích có tính bất lợi cho quản lý nêu trên.

Thứ ba, tiền in đúc của quốc gia (currency) có thể dễ bị làm giả, thậm chí có thể xảy ra ở quy mô lớn. Tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) chủ yếu ở dạng điện tử và đặc tính quản lý an toàn hệ thống ngân hàng nên khó bị giả mạo hơn.

Thứ tư, tiền in đúc của quốc gia (currency) thường được nhận thức như là phương tiện bảo quản quyền riêng tư (privacy), như các cơ quan điều hành kinh tế nhìn chung không để ý đến lịch sử đồng tiền của các giao dịch của họ. Ngoài ra, quyền cá nhân đối với tính riêng tư thì thường được quy định trong pháp luật và tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) lưu lại mỗi bước của lịch sử thanh toán, thông tin này có thể được xem xét như là một mối đe dọa đối với quyền riêng tư. Tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) thể hiện sự minh bạch, ít nhất là đối với ngân hàng phát hành, và đi kèm với một bản ghi nhận đầy đủ lịch sử các giao dịch, và theo luật, thông tin này có thể được sử dụng bởi các cơ quan thuế và thực thi pháp luật.

Giao dịch hiện đại hơn và sự tham gia của tiền điện tử

Xét về tính chất, tiền điện tử (electronic money) là một dạng đặc biệt của tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits) và được xếp vào tiền gửi (deposits) thay vì là tiền in đúc của quốc gia (currency, tiền giấy & tiền xu).

Tiền điện tử: xếp vào một dạng của tiền gửi¹³

¹³ Theo ngữ nghĩa này thì tất cả các loại tiền điện tử (electronic money) do các cư dân phát hành và có thể được sử dụng để thanh toán trực tiếp cho các bên thứ ba, về nguyên tắc, được bao gồm trong tiền rộng (broad money) tương tự như là tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferrable deposits). Đây

Tiền điện tử (electronic money) là một công cụ thanh toán (payment instrument) theo đó giá trị tiền (monetary value) được lưu trữ dạng điện tử, hoặc là trên thiết bị vật chất (physical device) hay được điều khiển từ xa tại một máy chủ (server). Cũng cần lưu ý rằng, để thỏa là tiền điện tử (electronic money), công cụ thanh toán này phải có thể được sử dụng để thực hiện thanh toán cho các bên thứ ba.

Trong khi tiền in đúc của quốc gia (currency, tiền giấy & tiền xu) chỉ có các đặc tính bảo mật có tính vật chất, thì tiền điện tử (electronic money) sử dụng mật mã (cryptography) để xác thực các giao dịch (authenticate transactions) và để bảo vệ tính bảo mật (confidentiality) và tính nguyên vẹn (integrity) của quá trình xử lý dữ liệu.

Hầu hết tiền trong nền kinh tế hiện đại hiện hành đều gần như thể hiện dưới dạng tiền điện tử, nhất là ở các nước ít sử dụng tiền mặt trong thanh toán. Cũng chính từ đó, quyền truy cập tiền dạng điện tử, như thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ, hoạt động ngân hàng internet và hoạt động của các liên minh hỗ trợ mua sắm trực tuyến ngày càng phát triển mạnh. Do vậy, đôi lúc chúng ta có thể nhầm lẫn giữa *tiền điện tử* và *quyền truy cập tiền dạng điện tử* trong việc thực hiện các giao dịch thường nhật.

Các ví dụ về tiền điện tử (electronic money) bao gồm: (1) *ví điện tử* (electronic purse) - nơi mà giá trị tiền (monetary values) được lưu trữ trong các thẻ (cards) dùng cho thanh toán lẻ và thanh toán có giá trị nhỏ (small payments); (2) *các thẻ trả trước* (prepaid cards), ngoại trừ những dạng được thiết kế cho các nhu cầu đặc biệt và có thể chỉ được sử dụng theo những cách thức bị giới hạn; (3) *tiền điện tử dựa trên nền tảng web* (web-based electronic money), như là PayPal; và (4) *tiền (money) có thể được truy cập dựa vào điện thoại di động* (mobile phone).

Cần lưu ý không phải tất cả các dạng thanh toán điện tử (electronic payments) đều có liên quan đến tiền điện tử (electronic money). Ví dụ như: (1) các thẻ tín dụng (credit cards) hay thẻ ghi nợ (debit cards) thì không phải là tiền điện tử bởi vì không có giá trị tiền tệ nào (monetary value) được lưu trữ trong các thẻ này; (2) các thẻ do các cửa hàng phát hành (store cards) cũng không phải tiền điện tử vì các thẻ này tương tự như thẻ tín dụng, nhưng chỉ sử dụng hạn chế trong các cửa hàng phát hành chúng mà thôi; (3) tiền trên nền tảng internet

cũng là một thách thức cho việc tính toán khối tiền, sức cầu gắn với khối tiền và cách thức quản lý chính sách tiền tệ tương lai. Tuy nhiên, ở giai đoạn hiện nay, tỷ trọng của thành phần này so với tổng khối tiền chính thức truyền thống theo tính toán vẫn còn khá nhỏ.

(Internet-based currency), như Bitcoin, cũng không phải là tiền điện tử (electronic money) theo định nghĩa này vì nó không thỏa định nghĩa về tiền (currency); Bitcoin không do một ngân hàng trung ương phát hành và không được chấp nhận rộng rãi như một trung gian trao đổi.

Tiền số ngân hàng trung ương (CBDC) so với tiền theo nghĩa truyền thống

Ngày nay, ở hầu hết tất cả các quốc gia, các ngân hàng trung ương phát hành hai loại tiền và cung cấp cơ sở hạ tầng hỗ trợ dạng tiền thứ ba. Hai loại tiền do ngân hàng trung ương phát hành bao gồm: (1) Tiền mặt vật chất – giấy và xu (physical cash, currency, notes & coins); và (2) Tiền gửi ngân hàng trung ương dạng điện tử (electronic central bank deposits). Dạng tiền thứ hai còn được biết đến với tên gọi là các khoản dự trữ ngân hàng trung ương (central bank reserves) hay các số dư thanh toán (settlement balances); đây cũng chính là tiền gửi có thể chuyển nhượng (transferable deposits) của các ngân hàng thương mại tại ngân hàng trung ương

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta có thể tiếp cận và truy cập rộng rãi dạng tiền thứ nhất - tiền mặt vật chất (giấy và xu, physical cash). Đặc tính của dạng tiền này là tương tác có tính ngang hàng (peer-to-peer) giữa những người sử dụng trong giao dịch. Trái lại, dự trữ ngân hàng trung ương (central bank reserves) thì thường là dưới dạng điện tử và chủ yếu chỉ có thể tiếp cận bởi các định chế tài chính thỏa các quy định mang tính tiêu chuẩn từ các cơ quan quản lý chức năng.

Tiền ngân hàng trung ương (central bank money) = Tiền mặt vật chất (physical cash) + Dự trữ ngân hàng trung ương (central bank reserves)

Dạng thứ ba đề cập bên trên đó là tiền tư nhân (private money). Ngân hàng trung ương không phát hành tiền này mà chỉ cung cấp cơ sở hạ tầng cho dạng tiền này hoạt động. Về nguyên tắc, tiền tư nhân này có sẵn thông qua các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại (commercial bank deposits) chủ yếu ở dạng điện tử (hay là tiền gửi có thể chuyển nhượng tại các ngân hàng thương mại (transferable deposits) và tiền gửi khác (short-term deposits)) và có thể có khả năng tiếp cận rộng rãi.

Các ngân hàng trung ương hỗ trợ tiền ngân hàng thương mại (commercial bank money) theo một số cách thức khác nhau: (1) cho phép các ngân hàng thương mại tất toán các hoạt động thanh toán liên ngân hàng (interbank payments) sử dụng tiền ngân hàng trung ương (central

bank money); (2) bảo đảm chuyển đổi giữa tiền ngân hàng thương mại (commercial bank money) và tiền ngân hàng trung ương (central bank money) thông qua cung cấp tiền mặt (banknote provision); và (3) cung cấp thanh khoản dự phòng thông qua chức năng người cho vay cứu cánh cuối cùng (lender of last resort).

Điểm quan trọng ở đây mà chúng ta cần phân biệt đó là: tiền mặt vật chất (physical cash, currency) và dự trữ (reserves) là nghĩa vụ nợ (liability) của ngân hàng trung ương, nhưng các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại (commercial bank deposits) thì không phải. Vì vậy CBDC với định nghĩa tương ứng ở phần đầu bài viết này sẽ được xem như là *một dạng mới* của tiền ngân hàng trung ương.

CBDC vì mục đích chung (a general purpose CBDC) sẽ phải yêu cầu một hệ thống tương thích nhằm bảo đảm cung cấp và phân phối dạng tiền này đến công chúng thuận lợi. Hệ thống này có thể sẽ bao gồm ngân hàng trung ương (central bank), các tổ chức điều hành (operator(s)), các ngân hàng và các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán (payment service providers and banks).

Vì còn quá sớm để thấy được tổ chức hoàn chỉnh vận hành CBDC. Có thể ngân hàng trung ương đảm nhiệm chức năng vận hành hệ thống này. Bên cạnh đó, cần một hệ sinh thái (ecosystem) rộng lớn hơn hỗ trợ; như là các nhà cung cấp dịch vụ dữ liệu (data service providers), các công ty cung cấp và duy trì các ứng dụng (applications) và các nhà cung cấp các thiết bị bán hàng nhằm khởi đầu và chấp nhận thanh toán.

CBDC so với tiền mã hóa khu vực tư nhân

Để cho ra đời tiền số ngân hàng trung ương CBDC, thay vì phát hành hai dạng tiền (tiền mặt vật chất và dự trữ ngân hàng trung ương), ngân hàng trung ương phát hành tiền điện tử hay tài khoản điện tử được bảo đảm bởi sự tin cậy và tín nhiệm của chính phủ - *một dạng mới* của tiền ngân hàng trung ương.

CBDC (central bank money) cũng khác với tiền ảo và tiền mã hóa (cryptocurrencies) – các loại tiền số này chủ yếu do khu vực tư nhân kiểm soát (privately issued cryptocurrencies)¹⁴.

¹⁴ “Tiền kỹ thuật số” (hay tiền số, digital currency) được xem là bất kỳ hình thức nào của tiền dưới dạng điện tử, hay trung gian trao đổi mà chúng có đặc tính của công nghệ sổ cái phân tán (distributed

Một so sánh với Bitcoin

Về bản chất, tiền (money) của một nền kinh tế sẽ yêu cầu có 3 chức năng cơ bản như đã đề cập ở trên: (1) trung gian trao đổi; (2) đơn vị tính toán; và (3) dự trữ giá trị. Dù vẫn còn nhiều bàn cãi, nhưng phải nhìn nhận rằng Bitcoin và một số dạng tiền số hay tiền ảo do khu vực tư nhân phát hành (privately issued cryptocurrencies) hiện có thể tham gia vào chức năng dự trữ giá trị (chủ yếu dưới dạng đầu cơ). Do vậy, chúng có thể xem như một dạng tài sản (hay đúng ra là một dạng tài sản đầu cơ). Các nhà kinh tế vẫn còn nghi vấn chức năng trung gian trao đổi và đơn vị tính toán của các loại tiền này.

Nhìn vào Bitcoin, một dạng tiền có giá trị gắn với đô la thăng trầm kể từ khi ra đời. Đồng Bitcoin không có neo trụ và gần như gắn số phận của mình với *số lượng cố định* - 21 triệu đồng tiền hiện hữu¹⁵. Đến nỗi một số người đang ví Bitcoin với cảm hứng hoa tulip của Hà Lan vào thế kỷ 17. Giáo sư Olivier Blanchard từng nhận xét rằng các dạng tiền này khó có thể thay thế tiền pháp định (fiat money) của quốc gia vì 3 lý do: (1) kinh tế - không thể phát huy tốt 3 chức năng cơ bản của tiền tệ; (2) kỹ thuật - đào Bitcoin quá tốn kém chi phí; và chính trị - gặp phải rào cản của chính phủ và các ngân hàng trung ương luôn muốn duy trì quyền kiểm soát tiền tệ và kiểm soát hệ thống tài chính.

So với đồng tiền toàn cầu mới - Libra của Facebook thì sao?

Khác với Bitcoin được neo vào số lượng cố định và giá trị neo vào đô la. Libra dựa trên ý tưởng của dạng tiền tệ ổn định “stable coin” và có tính toàn cầu.

Tháng 6/2019, Facebook công bố sẽ phát hành đồng tiền toàn cầu mới (new global currency) mang tên Libra. Ý tưởng chính là cung cấp phương tiện thanh toán thay thế cho các đồng tiền quốc gia (national currencies) trong các giao dịch xuyên biên giới, và cung cấp mạng lưới thanh toán (payment network) đến hàng tỷ người dân chưa được tiếp cận ngân hàng. Libra được xem là một đồng tiền kỹ thuật số (digital token) đỉnh cao được phát hành bởi một hiệp hội ở Thụy Sĩ và được bảo đảm bởi một rổ các loại tiền tệ quốc gia (basket of national

ledger) và một hệ thống thanh toán phi tập trung (decentralised payment system) với tập hợp cơ sở dữ liệu không được lưu trữ hay xác nhận bởi bất kỳ một bộ máy trung ương hay trung tâm nào cả.

¹⁵ Xem thêm: <https://news.bitcoin.com/satoshis-21-million-mystery-one-millionth-of-the-bitcoin-supply-cap-is-now-worth-1-million/>

currencies) – hàm ý những tổ chức tạo ra đồng tiền này độc lập với sức mạnh có tính chủ quyền riêng rẽ từng nước.

Facebook hy vọng tận dụng lợi thế dựa trên nền tảng kỹ thuật số (digital platform) với hơn 2,3 tỷ người dùng để tạo nên dòng tiền số chính thống (digital currency mainstream). Ý tưởng dựa vào “stable coin” (tiền ổn định)¹⁶, Libra gắn vào một rổ tiền tệ do các quốc gia có danh tiếng ổn định và với sự bảo đảm đáng tin cậy của các ngân hàng trung ương. Giá trị Libra gắn chặt vào giá trị trung bình có trọng số của bảng Anh, đô la Hoa Kỳ, đồng euro, đô la Singapore, và yên Nhật; dù cho Libra được phát hành bởi thực thể nằm bên ngoài bất kỳ quyền hạn pháp lý nào của các quốc gia này.

Ý tưởng này đã sớm đối mặt với phản ứng dữ dội từ nhiều phía, lưỡng viện của Quốc hội Hoa Kỳ, các quốc gia và các nhà chính trị toàn thế giới. Chủ quyền tiền tệ (monetary sovereignty) bị cho là đang và sẽ đối mặt với sự đe dọa nghiêm trọng nếu Libra hình thành. Các khuôn khổ điều tiết và phối hợp toàn cầu đồng loạt phản ứng với Libra và các đồng tiền ổn định toàn cầu khác (global stable coins).

Hiệp hội Libra (Libra Association) mất dần các thành viên chủ chốt (Visa, Mastercard và PayPal), đồng Libra đổi tên thành Diem, và dời tổ chức phát hành từ Thụy Sĩ về Hoa Kỳ cùng với nhiều sự nhượng bộ trước mắt. Tương lai trưởng thành của đồng tiền số tư nhân toàn cầu Diem của Facebook có lẽ còn phải chờ một thời gian khá dài phía trước.

Ví dụ về thanh toán sử dụng CBDC

Để hiểu rõ hơn về sự khác biệt giữa tiền truyền thống và tiền số ngân hàng trung ương (CBDC) được sử dụng cụ thể như thế nào trong giao dịch, chúng ta cùng nhau theo dõi một ví dụ sau đây.

Thanh toán khi chưa có sự hiện diện của CBDC

¹⁶ Một dạng tài sản số hóa (crypto-asset) nhằm mục tiêu duy trì giá trị ổn định liên quan đến một tài sản cụ thể nào đó, hay một nhóm hay một rổ tài sản. basket of assets.

Hãy tưởng tượng bạn đang quan sát một số khách hàng xếp hàng đặt mua một ly cà phê tại một cửa hàng cà phê trên phố. Mỗi trong số các vị khách này có thể thanh toán bằng cách thức riêng sau đây:

- (1) Tiền mặt (cash) do ngân hàng trung ương (ở Việt Nam là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, SBV) phát hành được pháp luật bảo đảm; hay
- (2) Thẻ tín dụng (credit card) hay thẻ ghi nợ (debit card), hay ngay cả sử dụng ví điện tử (mobile wallet) – tiền được một ngân hàng bảo đảm dạng kỹ thuật số và được đổi qua internet.

Dù theo cách thanh toán (1) hay (2) thì những gì mà vị khách này thanh toán không phải dưới dạng tiền có kết nối điện tử trực tiếp với bảng cân đối (balance sheet) của ngân hàng trung ương (ở đây là SBV chẳng hạn). Nói chung là, cách thanh toán (1) và (2) là cách thông dụng có tính truyền thống bấy lâu nay xung quanh chúng ta.

Do vậy, một khi một dạng tiền số vì mục đích chung của ngân hàng trung ương (a general-purpose central bank digital currency - CBDC) được phát hành sẽ là một thay đổi trong thanh toán tương lai.

Thanh toán với sự tham gia của CBDC

Như đã trình bày ở trên, tiền (money) trong một nền kinh tế (như Việt Nam chẳng hạn) hiện nay chủ yếu bao gồm tiền của ngân hàng trung ương (central bank money) và số dư (balances) trong các tài khoản ở các ngân hàng (bank accounts). Tiền của ngân hàng trung ương là nghĩa vụ nợ trực tiếp (direct liability) của ngân hàng trung ương. Tiền (money) tại các ngân hàng của những người tiêu dùng các doanh nghiệp thuộc nghĩa vụ nợ (liability) của các ngân hàng cụ thể này, chứ không phải nghĩa vụ nợ của ngân hàng trung ương. Như vậy, một lần nữa cho thấy CBDC khi phát hành sẽ là *một dạng mới* của tiền của ngân hàng trung ương.

Trở lại với nhóm khách hàng đang mua cà phê sau khi CBDC được phát hành và giả sử hiện có 3 khách hàng. Với ly cà phê là đồng giá – 50.000 VND/ly tương ứng ba khách hàng sau:

- (1) Vị khách thứ nhất trả 50.000 VND tiền mặt.
- (2) Vị khách thứ hai trả bằng thẻ ghi nợ (debit card) kết nối với tài khoản ngân hàng của mình.

(3) Vị khách thứ ba thanh toán qua ví điện tử (mobile wallet) kết nối CBDC.

Chúng ta sẽ thấy cả 3 đều rời cửa hàng với ly cà phê trên tay, nhưng chỉ có 2 trong 3 đã sử dụng tiền của ngân hàng trung ương (central bank money).

Vị khách thứ nhất thanh toán bằng tờ 50.000 VND – nghĩa là đã sử dụng tiền của ngân hàng trung ương (central bank money) theo cách định nghĩa tiền hiện hành.

Vị khách thứ hai thanh toán dùng thẻ ghi nợ (debit card) – nghĩa là trả bằng số tiền trong tài khoản thanh toán của mình (checking account); về nguyên tắc, người này có thể thực hiện giao dịch mua sắm trực tiếp (offline) hay trực tuyến (online) thông qua kết nối với tài khoản thanh toán của mình ở ngân hàng, tiếp theo là các ngân hàng quyết toán và xử lý các giao dịch bằng nghiệp vụ đằng sau đó.

Khách hàng thứ ba đã sử dụng dạng tiền số của ngân hàng trung ương (CBDC) – một hình thức mới của tiền (money) có đặc tính tương tự như của tiền mặt (cash) – liên kết trực tiếp bằng cân đối tài sản ngân hàng trung ương – có khả năng giao dịch điện tử mà không nhất thiết cần đến một tài khoản thanh toán bảo đảm (underlying checking account) từ ngân hàng thương mại.

Nói cách khác, vị khách thứ nhất và thứ ba đã sử dụng tiền của ngân hàng trung ương nhưng khác nhau về hình thức – lần lượt là hình thức cũ (tiền mặt đối với vị khách thứ nhất) và mới (CBDC đối với vị khách thứ ba); trong khi vị khách thứ hai sử dụng số dư trong tài khoản của mình tại ngân hàng.

CBDC có mang lại lợi ích gì cho người dân không?

Nhiều nghiên cứu hiện hành cho thấy CBDC ra đời hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích tiềm năng; có thể kể đến như là: (1) Gia tăng khả năng tiếp cận và tính sẵn có của các sản phẩm và dịch vụ tài chính (financial inclusion); (2) Tăng cường sự truyền dẫn của chính sách tiền tệ (monetary policy transmission); (3) Tính an toàn và hữu hiệu thanh toán (payment safety and efficiency); và (4) Sự sẵn có như của tiền mặt (availability of cash) của đồng tiền số này. Bên cạnh đó, những *rủi ro tiềm ẩn* và khả năng buộc phải *đánh đổi* của CBDC có thể xảy ra. Ngoài ra, vẫn còn nhiều câu hỏi phức tạp khác nữa cần được trả lời thỏa đáng và cần có thời gian nghiên cứu.

Trở lại với câu hỏi: “Liệu CBDC có mang lại lợi ích gì cho người dân – những người sử dụng chúng, hay không?”

Thoạt nhìn, đối với các vị khách mua cà phê và cửa hàng cà phê, lợi ích của việc thanh toán dùng CBDC dường như không rõ ràng lắm. Với cơ sở hạ tầng thanh toán, vấn đề luật pháp và khuôn khổ điều tiết của hệ thống tài chính hiện hành, sức mua của người tiêu dùng cuối cùng và niềm tin về sự thống nhất của một giao dịch thông qua dùng tiền mặt (banknotes) hay số dư tài khoản ngân hàng (bank account balances) là như nhau. Người dân thực sự quan tâm chính là ở chỗ sự an toàn (safety), bảo đảm bảo mật (security) và khả năng tiếp cận rộng khắp cơ sở hạ tầng thanh toán, chứ *không phải đồng tiền mà họ sử dụng đó có phải là tiền của ngân hàng trung ương hay không*. Do vậy, đối với người dân, việc đồng tiền số của ngân hàng trung ương (CBDC) có hiện diện hay không có thể chưa phải là vấn đề hiện nay.

Như vậy, nhu cầu ra đời một CBDC có lẽ đang gây sức ép lên tầm vĩ mô ở cấp độ chính phủ và vấn đề kiểm soát hệ thống tiền tệ quốc tế phạm vi toàn cầu hơn là cấp độ vi mô – ở những người sử dụng chúng. Nhưng cũng phải nhìn nhận rằng nếu một khi xuất hiện, CBDC sẽ thay đổi nhiều thứ, nhất là việc định nghĩa lại khối tiền, cơ chế vận hành và việc điều hành chính sách tiền tệ - một thay đổi rõ ràng là không hề nhỏ và không hề đơn giản chút nào.

Tài liệu tham khảo

ADB (2020), Macroeconomic Stabilization in the Digital Era, ISBN 978-4-89974-226-5 (PDF), Asian Development Bank Institute (www.adbi.org)

Anne O. Krueger (5/2021), The Promise and Peril of Central Bank Digital Currencies, Chuyên trang *Project Syndicate*: <https://www.project-syndicate.org/commentary/central-bank-digital-currencies-benefits-and-complications-by-anne-o-krueger-2021-05>

BIS (2020), Central bank digital currencies: foundational principles and core features, **Report no 1** in a series of collaborations from a group of central banks, ISBN: 978-92-9259-427-5 (online), Bank for International Settlements (www.bis.org)

Cara Ewing, The conversation on general-purpose central bank digital currency, *Minneapolis Fed*: <https://www.minneapolisfed.org/article/2021/the-conversation-on-general-purpose-central-bank-digital-currency> (Truy cập 25/05/2021).

Katharina Pistor (5/2021), How Not to Launch a Digital Currency,

Chuyên trang *Project Syndicate*: <https://www.project-syndicate.org/commentary/facebook-libra-diem-failure-lessons-for-digital-currencies-by-katharina-pistor-2021-05>

Shang-Jin Wei (5/2021), How Will the Digital Renminbi Change China?

Chuyên trang *Project Syndicate*: <https://www.project-syndicate.org/commentary/china-digital-renminbi-banks-big-tech-by-shang-jin-wei-2021-05>